

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN CHÂU THÀNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **332 /2021/DS - ST.**

Ngày: 03/12/2021.

V/v: Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Ngân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Duy**

**Ông Huỳnh Văn Phó**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngô Thị Ngọc N**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp T, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ cũ: 139 B22, khu phố 1, phường PT, TP. BT, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1957.

**Lê Trung T**, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã KS, huyện CT, Tiền Giang.

**Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: : Ấp PH, xã PP, huyện CT, Tiền Giang.

(Chị N, bà B có mặt; Anh T, chị D vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2020 và biên bản hòa giải không được ngày 07/12/2020, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngô Thị Ngọc N trình bày:*

Tháng 8/2017, chị có tham gia chơi phần hụi 10.000.000đồng, hốt được số tiền 170.000.000đồng, chị cho bà Huỳnh Thị B, anh Lê Trung T và chị Nguyễn Thị Hồng D mượn số tiền 170.000.000đồng. Bà B, Anh T và chị D có làm giấy mượn tiền và ký tên. Bà B, Anh T và chị D cam kết mỗi tháng sẽ trả lại cho chị 10.000.000đồng. Tuy nhiên từ tháng 8/2017 cho đến nay chỉ trả cho chị 110.000.000đồng, còn lại 60.000.000đồng chưa trả. Nay chị khởi kiện yêu cầu bà B, Anh T và chị D liên đới trả cho chị số tiền 60.000.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

*\* Bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Bà không thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Ngọc N. Bà không có vay tiền của Chị N. Trước đây, con bà là anh Lê Trung T và chị Nguyễn Thị Hồng D có vay tiền của Chị N số tiền 170.000.000đồng, có làm giấy mượn tiền và có hứa mỗi tháng trả 10.000.000đồng. Anh T, chị D trả được bao nhiêu thì bà không biết, bà không có ký tên vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, nợ này là của con bà nên bà đồng ý cùng Anh T, chị D trả cho Chị N số tiền 60.000.000 đồng nhưng hiện tại bà không có tiền nên bà xin cho bà thời hạn một tháng để về bàn bạc với chị D, Anh T tìm cách trả nợ cho Chị N. Nay bà đồng ý cùng Anh T, chị D trả cho Chị N 60.000.000đồng nhưng xin mỗi tháng trả 2.000.000đồng, trả từ tháng 2/2022 cho đến khi hết nợ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xác định tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[2] Về nội dung: Xét thấy, Chị Ngô Thị Ngọc N có cho bà Huỳnh Thị B, anh Lê Trung T và chị Nguyễn Thị Hồng D vay số tiền 170.000.000đồng, có làm biên nhận. Sau đó bà B, Anh T, chị D có trả được 110.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng. Do đến hạn mà bà B, Anh T, chị D không trả nên nay Chị N yêu cầu bà B, Anh T và chị D liên đới trả cho chị số tiền 60.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Chị D và Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết

vụ kiện, tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D và Anh T nhưng chị D và Anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị N. Tại phiên tòa bà B đồng ý cùng liên đới với Anh T và chị D trả cho Chị N số tiền 60.000.000đồng nhưng xin mỗi tháng trả 2.000.000đồng, trả từ tháng 2/2022 cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu trả dần của bà B là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền lợi của Chị N, Chị N cũng không đồng ý cho bà trả dần nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Chị N là có cơ sở nên chấp nhận, cần buộc bà Huỳnh Thị B, chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Lê Trung T có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Ngọc N số tiền 60.000.000đồng.

Về tiền lãi: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Ngô Thị Ngọc N không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Đối với chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Lê Trung T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với chị D, Anh T.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Ngọc N

1. Buộc bà Huỳnh Thị B, anh Lê Trung T và chị Nguyễn Thị Hồng D có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Ngọc N số tiền 60.000.000 đồng ( sáu mươi triệu đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B, Anh T và chị D chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự .

2. Về án phí : Bà Huỳnh Thị B, anh Lê Trung T và chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 3.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Ngô Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đồng theo biên lai thu số 0003368 ngày 20/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị N, bà B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Võ Thị Thu Ngân**